

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2396**
/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng;
- Website Bộ Công Thương; ✓
- Lưu: VT, KH (2).

BỘ TRƯỞNG



Vũ Huy Hoàng

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
Thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP ban hành chương trình hành động
của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2396** /QĐ-BCT
ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. **Mục tiêu:** Mục tiêu của Chương trình nhằm triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016.

2. **Yêu cầu:** Yêu cầu của Chương trình đòi hỏi các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc ngành Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố chủ động và tích cực góp phần vào *sự nghiệp chung của toàn ngành* nhằm thực hiện thắng lợi chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016; trong đó, tập trung thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý, tiến hành tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. **Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững**

a) Sử dụng hiệu quả các nguồn tái chính công. Thực hiện đổi mới các chính sách chi tiêu công, gắn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm với việc xây dựng kế hoạch tài chính và chi tiêu trung hạn. Kiểm tra, giám sát và kiểm toán chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị; công khai tài chính doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước.

b) Tăng cường quản lý thị trường trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm; vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, xử lý kịp thời các trường hợp lợi dụng tình hình để đầu cơ, găm hàng, đưa tin thất thiệt nhằm đẩy giá bán hàng lên cao, gây bất ổn thị trường, ảnh hưởng đến lợi ích người tiêu dùng. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời

sống nhân dân, đặc biệt là người dân ở những vùng khó khăn biên giới, hải đảo.

c) Tăng cường công tác phân tích và dự báo vĩ mô. Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu phục vụ công tác đánh giá tình hình và xây dựng chính sách phát triển ngành Công Thương; xây dựng cơ chế phối hợp; tăng cường năng lực cán bộ ngành Công Thương trong việc theo dõi, đánh giá và dự báo để phục vụ công tác xây dựng và điều hành kế hoạch phát triển ngành, cũng như cảnh báo kịp thời các tác động với nền kinh tế.

2. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh

Cùng với việc tiếp tục chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ ngành Công Thương và trong từng lĩnh vực, trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, cần tập trung tái cơ cấu ngành Công Thương ở các lĩnh vực là: tái cơ cấu đầu tư và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong ngành.

a) Tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công theo hướng giảm dần tỷ trọng và nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ.

Tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ; tập trung vốn cho các công trình điện, các dự án cấp thiết, sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình cần thiết, cấp bách phải hoàn thành và vốn đối ứng cho các dự án ODA; kiểm soát chặt chẽ, xác định rõ nguồn vốn đối với các dự án, công trình khởi công mới.

Tham gia hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, định hướng thu hút đầu tư, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư các công trình điện; nâng cao chất lượng quy hoạch và kiên quyết thực hiện đầu tư theo quy hoạch.

b) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước.

Tiến hành phân loại các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Công Thương trên cơ sở xác định rõ vai trò của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước để thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại theo ngành, lĩnh vực kinh doanh, không phân biệt cấp quản lý. Cơ cấu lại từng doanh nghiệp nhà nước một cách toàn diện về mô hình tổ chức, quản lý, tài chính, kế hoạch sản xuất, kinh doanh đầu tư phát triển, cơ cấu sản phẩm, nguồn nhân lực; hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu và người quản lý trong doanh nghiệp có vốn nhà nước, về cơ chế quản lý vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, cơ chế giám sát, kiểm tra và chế tài xử lý.

Thực hiện công khai, minh bạch hóa tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Công Thương; từng bước tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, kiểm soát độc quyền, đồng thời có cơ chế, chính sách thúc đẩy tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp dân doanh. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chỉ tập trung hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính; thực hiện xong việc thoái vốn đã đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính trước năm 2015.

3. Phát triển các ngành, lĩnh vực

Xây dựng các cơ chế, chính sách trong ngành và các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, phát huy tối đa tiềm năng và hiệu quả đem lại. Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan tỏa, phát triển các vùng kinh tế khác.

a) Chuyển dịch mạnh cơ cấu công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Phát triển những ngành có tính nền tảng, lợi thế so sánh và có ý nghĩa với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tập trung phát triển ngành năng lượng, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có nhiều sản phẩm xuất khẩu. Rà soát và hạn chế tối đa việc thành lập thêm các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế, khu công nghiệp để đầu tư tập trung; trong từng khu phải sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, theo lộ trình để có thể sớm đưa vào sử dụng; đồng thời phải quan tâm xây dựng công trình phúc lợi phục vụ người lao động làm việc trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

b) Phát triển khu vực dịch vụ hiệu quả, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, để khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, có tiềm năng và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, khu vực và thế giới; đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực dịch vụ, tăng cường sự hợp tác giữa các lĩnh vực dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển.

c) Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng để phát triển cân đối và bền vững. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát

triển. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời, tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khu vực biên giới, hải đảo, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống của dân cư giữa các vùng.

d) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển; huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế bằng các cơ chế và hình thức đầu tư thích hợp, như: BOT, BT, BTO, PPP,... để đầu tư cơ sở hạ tầng điện. Xây dựng các chính sách, chiến lược rõ ràng trong thu hút vốn FDI và vốn ODA. Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm sử dụng tiết kiệm các nguồn lực và hiệu quả tổng thể của nền kinh tế, bảo vệ môi trường.

đ) Tăng cường các biện pháp đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành Công Thương để giữ vững và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng chỉ giữ lại những tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có quy mô lớn, hoạt động trong những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, cơ cấu lại vốn và tài sản của doanh nghiệp nhà nước. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân, tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã.

4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tập trung xây dựng các dự án luật, pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII và hàng năm, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Ưu tiên đưa vào chương trình các dự án luật liên quan đến ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 -2020, bao gồm: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Thường xuyên rà soát nhằm phát hiện kịp thời và chủ động sửa đổi, bổ sung những bất cập, hạn chế của các đạo luật và văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung nhằm tiến tới một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, dễ tiếp cận và áp dụng, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Tập trung vào một số trọng tâm sau:

- Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty.

- Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế tri thức

a) Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo các cấp trình độ của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển ngành, góp phần tích cực thực hiện tăng trưởng kinh tế theo mô hình mới, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa sự tham gia của doanh nghiệp trong việc phát triển giáo dục đào tạo.

b) Tập trung đầu tư có trọng điểm cho khoa học kỹ thuật và công nghệ để phục vụ trực tiếp cho mục tiêu đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành; tạo ra các sản phẩm quốc gia có năng suất và giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ cao; hình thành hệ thống doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ, tăng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ để thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đổi mới căn bản cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Công Thương¹.

Sử dụng, quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng. Từng bước lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương. Tham gia xây dựng và triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2015 trong các hoạt động của ngành.

¹ Ban hành tại Quyết định số 3760/QĐ-BCT ngày 27 tháng 7 năm 2009.

Đổi mới căn bản, toàn diện cơ chế quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, bảo đảm khai thác theo quy hoạch, chú trọng hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng. Chấm dứt việc khai thác để xuất khẩu quặng thô.

7. Tích cực và chủ động hội nhập quốc tế

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Triển khai đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm các hoạt động đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, chú ý tới các nước có chung đường biên giới với Việt Nam. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, góp phần phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế. Phát huy vai trò và huy động nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

8. Chú trọng cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, trong đó chú trọng đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và người dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ và các Sở Công Thương. Phân định rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ và các Sở Công Thương. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức (kể cả các chức danh lãnh đạo, quản lý). Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ công chức, nhất là đội ngũ công chức trực tiếp tham gia xây dựng, hoạch định chính sách, công chức lãnh đạo; xây dựng cơ cấu công chức gắn với vị trí việc làm; thực hiện mạnh mẽ chế độ chức nghiệp việc làm. Tiếp tục đổi mới chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức.

Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng; tăng cường biện pháp phòng ngừa ngăn chặn, đẩy lùi hành vi tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá nhân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo và những bức xúc của nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh

ngành thuộc Bộ, các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nhiệm vụ và yêu cầu công tác đề ra trong Chương trình này, kết hợp với nhiệm vụ của đơn vị mình, chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của đơn vị mình trong cả nhiệm kỳ và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm; tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong suốt nhiệm kỳ của Chính phủ. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện những nhiệm vụ và nội dung công tác thuộc lĩnh vực được giao, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm (trước ngày 30 tháng 11 hàng năm) các cơ quan, đơn vị, các Sở Công Thương và doanh nghiệp tổ chức kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện chương trình và báo cáo về Bộ (Vụ Kế hoạch) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc Bộ theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, định kỳ báo cáo và kiến nghị Bộ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016, các đơn vị chủ động báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục

**NHỮNG NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 06/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2011 - 2016**

(kèm theo Quyết định số **2398** /QĐ-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2012)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI HẠN
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành	Cục Điều tiết điện lực	2012
2	Bộ lập trường quốc gia về đàm phán vòng Đô-ha và tham gia WTO	Vụ CSTM Đa biên	2012
3	Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020	Vụ CSTM Đa biên	2012
4	Đề án đàm phán Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Liên minh thuế quan (gồm Nga, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan)	Vụ CSTM Đa biên	2012
5	Đề án đàm phán tham gia Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP)	Vụ CSTM Đa biên	2012
6	Đề án đàm phán, ký kết FTA với Khu vực mậu dịch tự do (gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Lit-ten-xơ-tên, Ai-xơ-len)	Vụ Thị trường Châu Âu	2012
7	Đề án đẩy mạnh xuất khẩu và xúc tiến đầu tư sang các nước châu Mỹ (như Mỹ, Ca-na-đa, Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Pa-na-ma, Mê-hi-cô, Cuba)	Vụ Thị trường Châu Mỹ	2012
8	Đề án thành lập nhóm công tác liên Bộ về WTO và đàm phán Đô-ha trong khuôn khổ Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế	Vụ CSTM Đa biên	2012
9	Đề án triển khai Chương trình Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trên môi trường trực tuyến	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2012
10	Đề án xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều hành mới cho hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2012-2015	Văn phòng UBQG về hội nhập kinh tế quốc tế	2012
11	Kế hoạch đàm phán các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam giai đoạn 2012-2015	Vụ CSTM Đa biên	2012
12	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn	Cục Công nghiệp địa phương	2012

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI HẠN
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09/6/2006 của Chính phủ về thương mại điện tử	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2012
14	Quy hoạch chi tiết thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ giai đoạn đến năm 2020, có xét đến 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2012
15	Quy hoạch hệ thống sản xuất và phân phối thép	Vụ Công nghiệp nặng	2012
16	Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bauxit đến năm 2020, có xét đến năm 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2012
17	Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2012
18	Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2012
19	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp giấy đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2012
20	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2012
21	Quy hoạch phát triển ngành kỹ nghệ thực phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2012
22	Quy hoạch phát triển ngành than đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Tổng cục Năng lượng	2012
23	Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển vùng trồng cây nguyên liệu thuốc lá đến năm 2020	Vụ Công nghiệp nhẹ	2012
24	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Tổng cục Năng lượng	2012
25	Đề án phát triển các khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị)-Đen Sa Vann (tỉnh Savanakheth), Tây Trang (Điện Biên)-Pang Hock (tỉnh Phongsaly) và Bờ Y (Kon Tum)-Phu Cua (tỉnh Attapu) đã được thỏa thuận tại các hiệp định của hai Chính phủ Việt Nam - Lào	Vụ Thương mại miền núi	2012 - 2013
26	Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp theo vùng lãnh thổ đến năm 2020	Cục Công nghiệp địa phương	2012 - 2013

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI HẠN
27	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (bao gồm Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam - Campuchia)	Vụ Thương mại miền núi	2012 - 2013
28	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (bao gồm Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam - Lào)	Vụ Thương mại miền núi	2012 - 2013
29	Quy hoạch phát triển các hệ thống logistics trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Thị trường trong nước	2012 - 2014
30	Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và hệ thống giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc đến năm 2020	Vụ Thương mại miền núi	2012 - 2014
31	Chương trình quốc gia về phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất	Cục Hoá chất	2013
32	Đề án đẩy mạnh tham gia mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước; xây dựng thương hiệu hàng hóa và dịch vụ Việt Nam	Cục Xúc tiến thương mại	2013
33	Đề án phát triển khoa học công nghệ về chế biến sâu, sử dụng hợp lý và hiệu quả quặng apatit	Cục Hoá chất	2013
34	Đề án phát triển thương mại miền núi và hải đảo	Vụ Thương mại miền núi	2013
35	Đề án quản lý thương mại biên giới	Cục Quản lý thị trường	2013
36	Đề án quốc gia về phát triển thương mại điện tử đến năm 2020	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2013
37	Đề án xây dựng hệ thống chỉ tiêu tổng hợp góp phần hoàn thiện công tác phân tích, dự báo một số hàng hóa thiết yếu ở Việt Nam	Vụ Thị trường trong nước	2013
38	Đề án xuất khẩu hàng Việt Nam trực tiếp vào các chuỗi siêu thị tại châu Âu	Vụ Thị trường Châu Âu	2013
39	Nghị định về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (thay thế Nghị định số 100/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ)	Cục Hóa chất	2013
40	Quy hoạch phát triển ngành luyện kim màu Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Công nghiệp nặng	2013

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI HẠN
41	Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng gió đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Tổng cục Năng lượng	2013
42	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp rượu - bia - nước giải khát đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2014
43	Quy hoạch địa điểm kho LNG trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Kế hoạch	2014
44	Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Kế hoạch	2014
45	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Tổng cục Năng lượng	2014
46	Quy hoạch phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Tổng cục Năng lượng	2014
47	Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Cục Hoá chất	2014
48	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững	Vụ Khoa học và công nghệ	2015
49	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp da giấy đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2015
50	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sữa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2015
51	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành dầu thực vật đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	Vụ Công nghiệp nhẹ	2015